

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU, PHỔ BIẾN**  
**LUẬT TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ**  
(*Tài liệu dành cho Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh,*  
*Tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên*)

Luật Tương trợ tư pháp về dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 26/11/2025 (*Luật số 102/2025/QH15*). Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

**PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Việc xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự (Luật TTTPDS) nhằm hiện thực hoá các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tăng cường hợp tác quốc tế về pháp luật và hoàn thiện pháp luật tương trợ tư pháp (TTTP) thể hiện tại:

Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới (Mục B.7) đã xác định nhiệm vụ tổ chức thực hiện tốt các Công ước quốc tế, Hiệp định TTTP mà Nhà nước ta đã ký kết hoặc gia nhập. Nhiệm vụ này tiếp tục được khẳng định rõ hơn tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết số 49-NQ/TW) và Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW; Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, phương hướng hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đề ra trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cũng đã xác định nhiệm vụ hoàn thiện pháp luật về TTTP tại Mục IV.2 của Báo cáo. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra quan điểm chỉ đạo “*Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi*”.

Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (Mục II.2) đã đặt ra nhiệm vụ: “*Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện luật pháp trực tiếp liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với Hiến pháp, tuân thủ đầy đủ, đúng đắn các quy luật của*

*kinh tế thị trường và các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; nội luật hóa theo lộ trình phù hợp những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên”.*

Nghị quyết số 36a/NQ ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử<sup>1</sup> và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII - Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Nghị quyết 18), tại Mục III.1 đặt ra nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục cải cách hành chính mạnh mẽ, ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, tại Mục IV.9 đã đặt ra nhiệm vụ: hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia khác, bảo đảm tốt các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước Việt Nam; Mục IV.7 Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, trong đó có xây dựng tòa án điện tử.

Gần đây nhất, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với mục tiêu *“Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số”.*

Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023-2030 có nhiệm vụ giao cho Bộ Tư pháp (Mục III.2.e) *“giúp Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật TTTPDS”.* Việc xây dựng Luật Trưng trợ tư pháp về dân sự cũng nhằm thể chế hoá Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (Kết luận 19-KL/TW); Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 8/6/2024 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Chính phủ đã trình Quốc hội Dự án Luật TTTPDS. Ngày

---

<sup>1</sup> Một trong những giải pháp được nêu tại Nghị quyết là đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước.

26/11/2025, tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã thông qua Luật TTTPDS.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Luật TTTPDS là một trong các luật chuyên ngành được xây dựng trên cơ sở tách các lĩnh vực của Luật Thương trợ tư pháp năm 2007 (Luật TTTP). Trong quá trình tổng kết Luật TTTP phân nội dung TTTP về dân sự, bên cạnh những bất cập chung của Luật TTTP, quy định về TTTP trong lĩnh vực dân sự còn những hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển mới trong lĩnh vực này, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết, tham gia nhiều điều ước quốc tế, hoạt động TTTP về dân sự cần thích ứng linh hoạt sau đại dịch Covid-19 và tận dụng sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, cụ thể là:

*Thứ nhất*, Luật TTTP chưa bao hàm hết các phạm vi TTTP hiện nay, không bao gồm TTTP trong lĩnh vực hành chính nhưng thực tiễn thực hiện có phát sinh yêu cầu TTTP để phục vụ giải quyết các vụ án hành chính.

*Thứ hai*, Luật TTTP thiếu quy định về giá trị pháp lý của kết quả TTTP do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện cũng như quy định về áp dụng pháp luật nước ngoài; thiếu các quy định tạo cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền trong nước xem xét, giải quyết những yêu cầu mới có thể phát sinh từ thực tiễn.

*Thứ ba*, Luật TTTP chưa quy định việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế TTTP về dân sự trong bối cảnh gần đây Việt Nam đã ký kết, gia nhập nhiều điều ước quốc tế song phương và đa phương mới về TTTP trong lĩnh vực dân sự như Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại.

*Thứ tư*, Luật TTTP chưa tạo cơ chế từng bước xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ để giảm tải công việc cho cơ quan nhà nước và rút ngắn thời gian thực hiện.

*Thứ năm*, Luật TTTP thiếu cơ sở pháp lý để đa dạng hóa các phương thức thực hiện TTTP mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong TTTP về dân sự.

Chính vì vậy, việc xây dựng Luật TTTPDS là yêu cầu cấp thiết, khách quan, nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay trong TTTP về dân sự, đáp ứng yêu cầu của công tác này trong tình hình mới. Luật TTTPDS được xây dựng trên cơ sở sửa đổi, kế thừa các quy định TTTP trong lĩnh vực dân sự còn phù hợp của Luật TTTP và các văn bản hướng dẫn thi hành, bổ sung các nội dung mới, đáp ứng các yêu cầu phát triển của hội nhập quốc tế và yêu cầu, đặc thù riêng của hoạt động TTTP về dân sự.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT**

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng Luật nhằm hoàn thiện pháp luật TTTPDS theo hướng hiện đại, khả thi, hỗ trợ quy trình giải quyết các vụ việc dân sự (theo nghĩa rộng bao

gồm dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh thương mại, lao động, phá sản, thi hành án dân sự) và vụ án hành chính có yếu tố nước ngoài được nhanh chóng, chính xác, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan; tăng cường khả năng thực hiện quyền tiếp cận công lý của tổ chức, cá nhân; hoàn thiện cơ sở pháp lý trong nước tạo thuận lợi cho ký kết và thực hiện điều ước quốc tế về TTTPDS; thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp của Việt Nam.

## **2. Quan điểm xây dựng Luật**

*Một là*, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về hội nhập quốc tế, cải cách pháp luật và tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền, đảm bảo quyền con người trong lĩnh vực tư pháp.

*Hai là*, Luật được xây dựng trên cơ sở ba định hướng chính sách xây dựng luật đã được phê duyệt và kế thừa có chọn lọc các chính sách còn phù hợp của Luật TTTP (phần về dân sự).

*Ba là*, khắc phục toàn diện các hạn chế, bất cập của thực tiễn công tác TTTPDS, đồng thời hoàn thiện, hiện đại hóa quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu TTTPDS thông qua việc cắt, giảm thủ tục, hồ sơ và nguồn lực mà nhà nước phải thực hiện, ứng dụng công nghệ thông tin hướng đến điện tử hóa toàn trình.

*Bốn là*, góp phần tạo cơ sở pháp lý cho việc hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án dân sự phù hợp với yêu cầu đặt ra từ thực tiễn xử lý vụ việc có yếu tố nước ngoài.

*Năm là*, bám sát ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Quốc hội và Chính phủ về công tác xây dựng pháp luật, về đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật, đảm bảo quy định của pháp luật mang tính ổn định, có giá trị lâu dài, một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tố tụng tư pháp cần cụ thể; văn bản do Quốc hội ban hành quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc; Chính phủ, địa phương quy định điều chỉnh những vấn đề thực tiễn biến động thường xuyên để đảm bảo linh hoạt trong điều hành.

*Sáu là*, tham khảo rộng rãi, thực chất ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học và các đối tượng chịu trách nhiệm chính thi hành luật.

## **PHẦN II. GIỚI THIỆU VĂN BẢN**

### **I. BỐ CỤC CỦA LUẬT**

Luật số 102/2025/QH15 gồm 04 chương, 38 điều, cụ thể như sau:

#### **1. Chương I. Những quy định chung**

Gồm 15 điều (từ Điều 1 đến Điều 15) quy định về: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; Cơ quan trung ương của Việt Nam trong TTTP về dân sự; áp dụng pháp luật; nguyên tắc TTTP về dân sự; ngôn ngữ trong hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự; phạm vi TTTP về dân sự; miễn hợp pháp hóa lãnh sự; triệu tập và bảo vệ người làm chứng, người giám định; chi phí thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự; kinh phí bảo đảm công tác TTTP về dân sự; hệ thống

thông tin TTTP về dân sự trên môi trường điện tử; thực hiện TTTP về dân sự giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong TTTP về dân sự.

## **2. Chương II. Thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam**

Gồm 10 điều (từ Điều 16 đến Điều 25) quy định về: thẩm quyền yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam; hồ sơ, văn bản, tiếp nhận và xử lý yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam; tiếp nhận và xử lý yêu cầu TTTP khác về dân sự của Việt Nam; thực hiện TTTP về dân sự của Việt Nam; chuyển giao yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam trên môi trường điện tử; thông báo kết quả thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự; giá trị pháp lý của kết quả TTTP về dân sự; yêu cầu thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai trực tuyến của Việt Nam.

## **3. Chương III. Thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài**

Gồm 09 điều (từ Điều 26 đến Điều 34) quy định về: thẩm quyền thực hiện yêu cầu TTTP của nước ngoài; từ chối, hoãn thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài; hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài; văn bản yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài; tiếp nhận và xử lý yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài; tiếp nhận và xử lý yêu cầu TTTP khác về dân sự của nước ngoài; thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài; tiếp nhận yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài trên môi trường điện tử; thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai trực tuyến của nước ngoài.

## **4. Chương IV. Điều khoản thi hành**

Gồm 04 điều (từ Điều 35 đến Điều 38) quy định về: tương trợ tư pháp về dân sự trên môi trường điện tử; sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tố tụng hành chính; hiệu lực thi hành; điều khoản chuyển tiếp.

# **II. NHỮNG NỘI DUNG MỚI CƠ BẢN CỦA LUẬT**

## **1. Mở rộng phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự so với quy định hiện hành**

Ngoài phạm vi TTTPDS truyền thống là tổng đạt giấy tờ; thu thập, cung cấp chứng cứ; triệu tập người làm chứng, người giám định, Luật đã nội luật hóa các quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên bổ sung phạm vi TTTPDS bao gồm:

- Cung cấp giấy tờ hộ tịch; trích lục bản án, quyết định của Tòa án về hộ tịch;

- Cung cấp thông tin pháp luật. Bên cạnh đó, để đảm bảo sự thống nhất của hệ thống pháp luật và thực tiễn thực hiện, Luật sửa đổi, bổ sung quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, xác định rõ các yêu cầu TTTP trong tố tụng hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật TTTPDS.

## **2. Quy định Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương trong tương trợ tư pháp về dân sự**

Luật chỉ định Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương trong TTTPDS, có trách nhiệm làm đầu mối trao đổi thông tin, tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện TTTPDS; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, đồng thời là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong TTTPDS. Quy định này đã khẳng định vai trò của Bộ Tư pháp trong công tác TTTPDS, phù hợp với thực tiễn, đồng thời nội luật hóa quy định tại các điều ước quốc tế về TTTPDS mà Việt Nam đã ký kết và tạo thuận lợi trong hợp tác TTTPDS với nước ngoài.

### **3. Áp dụng pháp luật nước ngoài trong tương trợ tư pháp về dân sự**

Về nguyên tắc, yêu cầu TTTPDS của nước ngoài được thực hiện theo quy định pháp luật của Việt Nam. Tuy nhiên, Luật quy định ngoại lệ cho phép áp dụng pháp luật nước ngoài để thực hiện. Để đảm bảo chủ quyền quốc gia trong lĩnh vực tư pháp, việc áp dụng pháp luật nước ngoài không được thực hiện một cách đương nhiên mà cần có điều kiện:

- Nước ngoài có văn bản yêu cầu;
- Việc áp dụng pháp luật nước ngoài không trái với nguyên tắc TTTPDS và hậu quả của việc áp dụng không trái nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Quy định này thể hiện thiện chí, sự hợp tác của Việt Nam trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài.

### **4. Áp dụng nguyên tắc “có đi có lại” trong tương trợ tư pháp về dân sự**

Việc áp dụng nguyên tắc “có đi có lại” trong TTTPDS được tiếp cận linh hoạt bằng quy định từ chối thực hiện yêu cầu TTTPDS của nước ngoài khi có căn cứ cho rằng phía nước ngoài không hợp tác thực hiện yêu cầu TTTPDS của Việt Nam. Quy định này tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, quyết định thực hiện, qua đó, bảo vệ tối đa quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân của Việt Nam, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

### **5. Quy định cụ thể về thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam và thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài**

Luật quy định Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự là các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu TTTPDS của Việt Nam. Đối với việc thực hiện yêu cầu TTTPDS của nước ngoài, bên cạnh các chủ thể có thẩm quyền thực hiện yêu cầu TTTPDS của nước ngoài kế thừa từ Luật TTTP, Luật bổ sung 02 chủ thể gồm:

- Cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu, chứng cứ;
- Dịch vụ bưu chính công ích thực hiện việc tổng đạt giấy tờ của nước ngoài.

### **6. Quy định về thành phần hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự**

Luật quy định cụ thể, rõ ràng hơn về thành phần hồ sơ TTTPDS của Việt Nam và của nước ngoài. Về quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu TTTPDS, Luật quy định về:

- Việc tiếp nhận, xử lý yêu cầu TTTPDS;
- Thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự;
- Việc chuyển giao yêu cầu TTTPDS trên môi trường điện tử;
- Thông báo kết quả thực hiện yêu cầu TTTPDS;
- Giá trị pháp lý của kết quả TTTPDS;
- Việc thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai trực tuyến của Việt Nam.

### **7. Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự**

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, Đảng ta đã xác định mục tiêu ưu tiên phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo với tư cách là một trong bốn trụ cột để thúc đẩy phát triển đất nước.

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Luật đã có quy định ứng dụng công nghệ thông tin để tối ưu hóa thủ tục, cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết, tiết kiệm chi phí nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong thực hiện yêu cầu TTTPDS, cụ thể:

- Quy định về xây dựng, hoàn thiện, vận hành hệ thống thông tin TTTPDS;
- Chuyển giao yêu cầu TTTPDS của Việt Nam và của nước ngoài trên môi trường điện tử;
- Thu thập chứng cứ lấy lời khai trực tuyến đối với đương sự đang cư trú tại nước ngoài và người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.

### **8. Xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ của nước ngoài**

Để giảm áp lực cho cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời cụ thể hóa giải pháp chính sách xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ đã được phê duyệt khi đề xuất xây dựng Luật, Luật quy định doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định thực hiện việc tổng đạt giấy tờ của nước ngoài.

Trong bối cảnh tòa án khu vực phải giải quyết số lượng lớn các vụ việc dân sự còn phải thực hiện các yêu cầu TTTPDS của nước ngoài trong đó phần lớn là yêu cầu tổng đạt giấy tờ với nguồn nhân lực hạn chế, việc giao bưu chính thực hiện tổng đạt giấy tờ của nước ngoài được xem là một giải pháp quan trọng giúp giảm tải công việc cho tòa án, cắt giảm khâu trung gian để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

## **PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Luật TTTPDS có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Để bảo đảm các quy định Luật được triển khai hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 30/01/2026 về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tương trợ tư pháp về dân sự.

Nội dung Kế hoạch yêu cầu bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả giữa Bộ Tư pháp với các bộ, cơ quan có liên quan trong việc triển khai thi hành TTTPDS; nội dung công việc phải gắn với nội dung quản lý nhà nước trong tương trợ tư pháp về dân sự, trách nhiệm của các bộ, các cơ quan, tổ chức có liên quan; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ phải tích cực, chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tránh lãng phí; thường xuyên, kịp thời kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ, giải quyết vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo tiến độ, hiệu quả của việc triển khai thi hành TTTPDS, cụ thể:

**1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật TTTPDS**

**2. Xây dựng văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật TTTPDS.**

- Xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTPDS.

- Xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định trình tự, thủ tục thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự.

- Xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp về dân sự.

**3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ tương trợ tư pháp về lĩnh vực dân sự**

- Xây dựng sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ tương trợ tư pháp về dân sự.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ tương trợ tư pháp về lĩnh vực dân sự cho những người trực tiếp thực hiện công tác tương trợ tư pháp về dân sự.

**4. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin tương trợ tư pháp về dân sự**

**5. Kiểm tra tình hình tổ chức thi hành Luật TTTPDS**

Tổ chức các đoàn kiểm tra việc thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự tại Toà án nhân dân khu vực, cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

**6. Báo cáo Quốc hội về công tác tương trợ tư pháp về dân sự./.**